

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải
Ma San) và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Masan)
Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

4103002877

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ngày 26 tháng 12 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp .

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009)
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009)
Ông Madhur Maini	Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009)
Ông Lars Kjaer	Thành viên (từ ngày 9 tháng 10 năm 2009)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
Bà Nguyễn Ngọc Hà	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
Ông Đào Đức Dừa	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
Bà Phạm Thị Ánh Tuyết	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
Ông Vũ Thành Hoan	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
Ông Nguyễn Gia Hiển	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Masan) (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Masan)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-542



Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh,

31 MAR 2010

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		2.441.831	1.215.821
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.123.616	97.479
Tiền	111		523.616	97.479
Các khoản tương đương tiền	112		600.000	-
Đầu tư ngắn hạn	120	12	776.000	308.900
Đầu tư ngắn hạn	121		776.000	308.900
Phải thu – ngắn hạn	130	5	282.936	593.536
Phải thu thương mại	131		56.830	113.475
Trả trước cho người bán	132		68.714	35.917
Phải thu công ty liên quan	133		517	410.931
Phải thu khác	135		158.767	33.728
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.892)	(515)
Hàng tồn kho	140	6	199.466	183.397
Hàng tồn kho	141		237.288	190.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.822)	(7.023)
Tài sản ngắn hạn khác	150		59.813	32.509
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.950	8.213
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.678	12.863
Thuế và các khoản khác phải thu từ Ngân sách				
Nhà nước	154	7	6.550	7.646
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.635	3.787

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Tài sản dài hạn	200		4.575.263	359.572
Tài sản cố định	220		605.360	259.928
Tài sản cố định hữu hình	221	8	465.483	201.369
<i>Nguyên giá</i>	222		597.478	281.838
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(131.995)	(80.469)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	14.096	14.646
<i>Nguyên giá</i>	225		16.871	15.011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.775)	(365)
Tài sản cố định vô hình	227	10	72.865	43.858
<i>Nguyên giá</i>	228		82.688	51.410
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.823)	(7.552)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	52.916	55
Đầu tư dài hạn	250	12	3.919.827	71.918
Đầu tư vào công ty liên kết	252		3.919.827	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	71.918
Tài sản dài hạn khác	260		50.076	27.726
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	11.885	17.147
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	25.420	5.698
Tài sản dài hạn khác	268		8.603	118
Lợi thế thương mại	269	15	4.168	4.763
TỔNG TÀI SẢN	270		7.017.094	1.575.393

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.947.555	702.599
Nợ ngắn hạn	310		1.210.937	666.853
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	687.260	297.333
Phải trả thương mại	312		267.168	159.564
Người mua trả tiền trước	313		11.267	4.599
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	17	77.417	66.771
Phải trả nhân viên	315		148	9.120
Chi phí phải trả	316	18	163.590	27.155
Phải trả công ty liên quan	317	19	131	100.077
Phải trả khác	319	20	3.956	2.234
Vay và nợ dài hạn	330		736.618	35.746
Vay và nợ dài hạn	334	21	734.723	34.313
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	22	1.895	1.433
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.762.088	471.820
Vốn chủ sở hữu	410		4.762.088	471.820
Vốn cổ phần	411	23	4.853.998	32.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	1.421.817	-
Vốn khác	418		(1.947.256)	227.892
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	419		(1.178)	(1.391)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		434.707	213.319
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		307.451	400.974
TỔNG NGUỒN VỐN	440		7.017.094	1.575.393

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

31 MAR 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2009**

	Mã số	Thuyết minh	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Tổng doanh thu	01	24	4.078.147	2.003.550
Các khoản giảm trừ	02	24	(120.333)	(81.462)
Doanh thu thuần	10		3.957.814	1.922.088
Giá vốn hàng bán	11	25	(2.583.876)	(1.324.167)
Lợi nhuận gộp	20		1.373.938	597.921
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	160.292	134.525
Chi phí hoạt động tài chính	22	27	(103.130)	(58.297)
Chi phí bán hàng	24		(636.751)	(150.043)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(105.287)	(72.951)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		689.062	451.155
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	28	18.632	9.443
Chi phí khác	32	29	(22.778)	(5.685)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	40	30	48.010	-
Lợi nhuận trước thuế	50		732.926	454.913
Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	51	311	(73.130)	(58.985)
Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	52	311	19.722	4.177
Lợi nhuận thuần (mang sang trang sau)	60		679.518	400.105

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần (mang từ trang trước sang)	60		679.518	400.105
Lợi nhuận phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		262.944	189.770
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	62		416.574	210.335
Lãi trên cổ phiếu		34		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VNĐ	70		2.677	65.730
Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VNĐ	70		2.675	65.730

Người lập:



Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

31 MAR 2010

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Vốn cổ phần Triệu VNĐ	Vốn khác Triệu VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Vốn chủ sở hữu thuộc chủ sở hữu của Công ty Triệu VNĐ	Cổ đông thiểu số Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	32.000	238.889	(263)	42.310	312.936	302.197	615.133
Tăng vốn chủ sở hữu giả định	-	7.852	-	-	7.852	7.148	15.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	210.335	210.335	189.770	400.105
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	419	(419)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(1.542)	-	(1.542)	(1.403)	(2.945)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận giữ lại	-	39.843	-	(39.843)	-	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ được công ty con mua lại	-	(22)	-	-	(22)	(1.792)	(1.814)
Tập đoàn mua lại lợi ích từ cổ đông thiểu số	-	(11.668)	-	-	(11.668)	(42.117)	(53.785)
Việc mua lại giả định từ lợi ích cổ đông thiểu số	-	5.343	(5)	936	6.274	(6.274)	-
Khoản phải trả thêm cho việc mua lại sở hữu trong các công ty con	-	(52.345)	-	-	(52.345)	(47.655)	(100.000)
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số trong các công ty con	-	-	-	-	-	1.100	1.100
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008	32.000	227.892	(1.391)	213.319	471.820	400.974	872.794

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần Triệu VNĐ	Thặng dư vốn Triệu VNĐ	Vốn khác Triệu VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Vốn chủ sở hữu thuộc chủ sở hữu của Công ty Triệu VNĐ	Cổ đông thiểu số Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	32.000	-	227.892	(1.391)	213.319	471.820	400.974	872.794
Tăng vốn chủ sở hữu giả định	-	-	6.670	-	-	6.670	6.071	12.741
Công ty con công bố cổ tức (Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San) dưới hình thức trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành và tiền mặt	-	-	-	-	(200.252)	(200.252)	(182.310)	(382.562)
Việc mua lại giả định từ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	10.979	(168)	8.338	19.149	(19.149)	-
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số trong các công ty con	-	-	-	-	-	-	1.000	1.000
Mua từ lợi ích cổ đông thiểu số sau tái cấu trúc Tập đoàn	-	-	(933.496)	-	-	(933.496)	(154.046)	(1.087.542)
Tập đoàn mua lại lợi ích từ cổ đông thiểu số trong các công ty con	-	-	(528)	-	-	(528)	(5.472)	(6.000)
Vốn cổ phần đã phát hành	4.821.998	1.421.817	-	-	-	6.243.815	-	6.243.815
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu do việc mua lại các công ty con chịu sự kiểm soát chung	-	-	(1.258.773)	-	-	(1.258.773)	-	(1.258.773)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	416.574	416.574	262.944	679.518
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	3.272	(3.272)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.891)	-	(2.891)	(2.561)	(5.452)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	4.853.998	1.421.817	(1.947.256)	(1.178)	434.707	4.766.088	307.451	5.069.539

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

31 MAR 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

	Mã số	Thuyết minh	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		732.926	454.913
Điều chỉnh cho				
Khấu hao và phân bổ	02		71.346	34.114
Các khoản dự phòng	03		39.529	4.499
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	04		523	2.083
Thu nhập từ bán cổ phiếu	04		(53.454)	-
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(93.571)	(121.943)
Chi phí lãi vay	06		88.976	50.968
Lợi nhuận từ công ty liên kết	07		(48.010)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		738.265	424.634
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		32.870	(7.734)
Biến động hàng tồn kho	10		(54.221)	(61.339)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		237.547	83.112
			954.461	438.673
Tiền lãi vay đã trả	13		(74.777)	(50.968)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(70.260)	(35.722)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.452)	(2.945)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		803.972	349.038

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(411.673)	(141.627)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		229	4.457
Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	23		-	(300.000)
Tiền thu hồi các khoản vay từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	23		250.000	-
Tiền thu hồi các khoản cho thành viên của Hội đồng Quản trị của công ty con vay	23		5.000	-
Khoản vay cấp cho công ty mẹ	23		(58.543)	(323.169)
Tiền thu hồi các khoản cho công ty mẹ vay	23		56.714	301.283
Khoản vay cấp cho cá nhân	23		(105.915)	-
Tiền thu hồi các khoản cho cá nhân vay	23		105.915	1.000
Gửi tiền có kỳ hạn tại Ngân hàng	24		(726.000)	-
Thu tiền gửi có kỳ hạn	24		-	110
Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con và đơn vị khác	25		(331.000)	(62.920)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	26		14.282	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		68.403	117.394
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(1.132.588)	(403.472)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		1.163.425	15.000
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31		1.000	1.100
Cổ phiếu quỹ do Công ty con mua lại	32		-	(1.814)
Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn	33		2.493.524	1.342.802
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.303.186)	(1.223.538)
Tiền chi trả cổ tức	36		(10)	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		1.354.753	133.550
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.026.137	79.116
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		97.479	18.363
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	1.123.616	97.479

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Nguyên giá của đầu tư dài hạn do Công ty nhận được thông qua hình thức góp vốn từ các cổ đông	5.093.132	
Mua trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cản trừ các khoản phải thu từ công ty mẹ	400.000	-
Cổ tức được công ty con trả dưới hình thức trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành	382.551	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác chưa nhận được	128.539	-
Cổ tức phải thu dưới hình thức cổ phiếu thưởng	-	2.184
Khoản phải trả thêm cho việc mua lại sở hữu trong các công ty con	-	100.000

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

31 MAR 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là chủ quản đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên	Nguyên tắc hoạt động	Phần trăm sở hữu tại	
		31/12/2009	31/12/2008
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Chủ quản đầu tư	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Chủ quản đầu tư	100%	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Kinh doanh và phân phối	72,8%	52,3%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	72,8%	52,3%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	72,8%	50,7%
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	72,8%	52,3%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen	Sản xuất thực phẩm	72,8%	52,3%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	68,8%	49,4%
Công ty Cổ phần Ma San HD	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	72,8%	-

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm sở hữu phản ánh phần trăm sở hữu thực tế của các cổ đông đồng kiểm soát trực tiếp và gián tiếp tại các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn có 5.079 nhân viên (31/12/2008: 4.177 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“Triệu VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2009, Công ty đã tiến hành việc tái cấu trúc và trở thành công ty mẹ sở hữu 54,8% cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thực phẩm Ma San (“Ma San Food”), trước đó là công ty con ngang cấp. Ma San Food trực tiếp sở hữu quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, Công ty Cổ phần Ma San PQ, Công ty Cổ phần Ma San HD, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San trực tiếp sở hữu quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen. Do ảnh hưởng của những giao dịch trên, công ty mẹ, Công ty Cổ phần Ma San, đã chuyển nhượng 54,8% vốn chủ sở hữu của Ma San Food cho Công ty để đổi lấy 125.877.284 cổ phiếu mới do Công ty phát hành cho công ty mẹ.

Sau khi mua lại vốn chủ sở hữu của các công ty này, Công ty trở thành công ty mẹ của các công ty trong Tập đoàn. Do các công ty tham gia vào giao dịch hợp nhất kinh doanh nêu trên đều chịu sự kiểm soát chung của cùng một nhóm cổ đông (“Các cổ đông kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, việc hợp nhất này thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung bởi vì các cổ đông kiểm soát vẫn tiếp tục nắm các rủi ro và lợi ích. Việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này không nằm trong phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất Kinh doanh* và trong việc lựa chọn chính sách kế toán đối với giao dịch này, Tập đoàn đã xem xét nội dung của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”) với giả định luôn luôn có sự tồn tại của Tập đoàn. Tài sản và công nợ của các công ty được hợp nhất sử dụng giá trị ghi sổ hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của các cổ đông kiểm soát. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị thuần của tài sản được hạch toán như là sự phân chia hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được hạch toán trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Khoản tăng vốn chủ sở hữu giả định được hạch toán vào các quỹ khác để phản ánh việc mua lại các công ty con theo phương pháp kế toán sáp nhập như thể Tập đoàn đã luôn tồn tại.

Sau đó, Công ty đã mua thêm lợi ích chủ sở hữu tại Ma San Food và tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 72,8% vốn chủ sở hữu tại Ma San Food.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty hiện tại trong Tập đoàn như thể cấu trúc tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông kiểm soát (hoặc các công ty được thành lập sau ngày 1 tháng 1 năm 2008, trong giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày kết thúc niên độ của các kỳ báo cáo liên quan). Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và ngày 31 tháng 12 năm 2008 được lập để phản ánh tình hình hiện tại của các công ty trong Tập đoàn tại những ngày này với giả định cấu trúc tập đoàn đã tồn tại vào những ngày đó. Tất cả các giao dịch trọng yếu và các số dư trong nội bộ tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Lợi ích của cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần thu được hoặc thanh lý tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng CMKT 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một khoản tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; và khoản đầu tư vào chứng khoán vốn của các công ty mà Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể thì được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

(iii) Nhãn hiệu

Giá mua của nhãn hiệu được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(ii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh từ bên thứ ba. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán hoặc sau đó được phát hành lại, khoản phải thu được ghi nhận như một khoản tăng vào vốn chủ sở hữu, và thặng dư hoặc thâm hụt trên các giao dịch được chuyển đến/từ thặng dư vốn.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức nhận được dưới hình thức cổ phiếu được ghi nhận như thu nhập cổ tức theo mệnh giá của cổ phiếu nhận được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(x) Thù lao chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Thực phẩm và nước chấm		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2009 Triệu VND	2008 Triệu VND	2009 Triệu VND	2008 Triệu VND	2009 Triệu VND	2008 Triệu VND
Doanh thu bộ phận	3.957.814	1.922.088	-	-	3.957.814	1.922.088
Lợi nhuận bộ phận	668.652	400.004	48.010	-	716.662	400.004
Các khoản chi phí/thu nhập không phân bổ					(37.144)	101
Tổng lợi nhuận					679.518	400.105
Tài sản bộ phận	2.400.230	1.537.191	3.919.827	-	6.320.057	1.537.191
Tài sản không phân bổ					671.617	32.504
Tổng tài sản					6.991.674	1.569.695
Nợ phải trả bộ phận	1.296.976	702.594	-	-	1.296.976	702.595
Nợ phải trả không phân bổ					650.579	5
Tổng nợ phải trả					1.947.555	702.599

Tài sản bộ phận không bao gồm tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động trong khu vực địa lý tại Việt Nam.

Chi tiêu vốn, chi phí phân bổ và khấu hao chỉ liên quan đến bộ phận kinh doanh thực phẩm và nước chấm và được trình bày trong các thuyết minh liên quan trong các báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tiền mặt	1.203	2.776
Tiền gửi ngân hàng	522.236	94.703
Tiền đang chuyển	177	-
Các khoản tương đương tiền	600.000	-
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1.123.616	97.479
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Bao gồm trong tiền của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số tiền bằng các đơn vị tiền khác VNĐ tương đương 7.666 triệu VNĐ (31/12/2008: 11.738 triệu VNĐ).

5. Các khoản phải thu – ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan:

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San - công ty mẹ		
Phi thương mại	517	398.897
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Thương mại	-	240
Phi thương mại	-	11.794
	<hr/>	<hr/>
	517	410.931
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản phi thương mại phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San) bao gồm khoản tạm ứng thuê văn phòng là 517 triệu VNĐ (31/12/2008: 726 triệu VNĐ). Khoản tạm ứng này không được đảm bảo, không chịu lãi và được trả theo yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

5. Các khoản phải thu – ngắn hạn (tiếp theo)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tạm ứng	32	644
Lãi trích trước phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	29.067	-
Phải thu từ Công ty Chứng khoán Bản Việt	128.539	-
Cho các cổ đông của Công ty tạm ứng	-	32.000
Phải thu khác	1.129	1.084
	<hr/>	<hr/>
	158.767	33.728
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Khoản phải thu từ Công ty Chứng khoán Bản Việt phản ánh khoản phải thu về việc thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San trong lợi ích vốn chủ sở hữu và trái phiếu có thể chuyển đổi lần lượt là 108 tỷ VNĐ và 20 tỷ VNĐ. Các khoản phải thu được hoàn trả trong vòng một năm từ ngày 28 tháng 12 năm 2009.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	515	-
Tăng dự phòng trong năm	1.377	515
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.892	515
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản phải thu thương mại của Tập đoàn tương đương 1.102 triệu VNĐ được thế chấp để đảm bảo khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt, Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, là các công ty con của Ma San Food (31/12/2008: 21.502 triệu VNĐ).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	15.681	4.861
Nguyên vật liệu	145.202	116.716
Công cụ và dụng cụ	496	706
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	48.365	24.849
Thành phẩm	27.544	43.288
	<hr/>	<hr/>
	237.288	190.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(37.822)	(7.023)
	<hr/>	<hr/>
	199.466	183.397
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	7.023	5.637
Tăng dự phòng trong năm	40.732	4.252
Sử dụng dự phòng trong năm	(7.352)	(2.598)
Hoàn nhập dự phòng	(2.581)	(268)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	37.822	7.023
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị là 31.049 triệu VNĐ (31/12/2008: 21.362 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của một công ty con của Ma San Food, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt.

7. Thuế và các khoản khác phải thu từ Ngân sách Nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thuế xuất nhập khẩu có thể được hoàn lại từ Ngân sách Nhà nước	6.546	7.646
Phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước	4	-
	<hr/>	<hr/>
	6.550	7.646
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa Triệu VNĐ	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VNĐ	Thiết bị văn phòng Triệu VNĐ	Máy móc và thiết bị Triệu VNĐ	Phương tiện vận chuyển Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	50.828	1.175	7.897	206.397	15.541	281.838
Tăng trong năm	70.424	-	7.756	193.703	3.454	275.337
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.203	-	444	39.626	-	43.273
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	-	(1.860)	-	(1.860)
Thanh lý	-	-	(68)	(198)	(844)	(1.110)
Phân loại lại	-	-	288	1.672	(1.960)	-
Số dư cuối năm	124.455	1.175	16.317	439.340	16.191	597.478
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.718	288	1.853	61.484	7.126	80.469
Khấu hao trong năm	5.106	387	2.744	42.154	2.427	52.818
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	-	(266)	-	(266)
Thanh lý	-	-	(17)	(165)	(844)	(1.026)
Phân loại lại	-	-	52	253	(305)	-
Số dư cuối năm	14.824	675	4.632	103.460	8.404	131.995
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	41.110	887	6.044	144.913	8.415	201.369
Số dư cuối năm	109.631	500	11.685	335.880	7.787	465.483

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản có trị giá 7.946 triệu VNĐ được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 13.572 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị là 93.843 triệu VNĐ (31/12/2008: 85.308 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn. Tham chiếu mục 22(c), (d) và (e), một số tài sản cố định sẽ được thế chấp để đảm bảo những khoản vay trên khi những khoản vay này được giải ngân, danh sách tài sản thế chấp sẽ được gửi kèm cho bên cho vay.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 9.269 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: Không).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 429 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: Không).

9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	15.011
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.860
	<hr/>
Số dư cuối năm	16.871
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	365
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	266
Khấu hao trong năm	2.144
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.775
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	14.646
Số dư cuối năm	14.096
	<hr/> <hr/>

Các thiết bị sản xuất này được thuê bởi một công ty con của Ma San Food, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho Thuê Tài chính Vietcombank, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Vào cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San có quyền lựa chọn mua lại các thiết bị này theo giá ưu đãi. Thiết bị thuê này được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Nhãn hiệu Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	49.106	2.304	-	51.410
Tăng trong năm	25.305	2.227	-	27.532
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	3.200	-	546	3.746
Số dư cuối năm	77.611	4.531	546	82.688
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	7.160	392	-	7.552
Khấu hao trong năm	1.189	946	109	2.244
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	-	27	27
Số dư cuối năm	8.349	1.338	136	9.823
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	41.946	1.912	-	43.858
Số dư cuối năm	69.262	3.193	410	72.865

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 40.902 triệu VNĐ (31/12/2008: 39.074 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	55	5.157
Tăng trong năm	96.393	5.525
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(43.273)	(10.307)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(259)	(320)
Số dư cuối năm	52.916	55

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết	3.919.827	-
Đầu tư dài hạn khác vào lợi ích vốn chủ sở hữu	-	71.918
	<hr/>	<hr/>
	3.919.827	71.918
Đầu tư ngắn hạn		
Cho một cá nhân vay ngắn hạn	-	6.275
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	726.000	-
Cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, một cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San vay ngắn hạn	50.000	302.625
	<hr/>	<hr/>
	776.000	308.900

Khoản đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư vào 19,99% lợi ích vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”). Các cổ phiếu này được mua bằng cách phát hành cổ phiếu mới và các công cụ nợ.

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn đáo hạn hơn 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng VNĐ và hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 9,8% (2008: Không).

Khoản vay ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không có đảm bảo, chịu lãi suất năm là 15% và được hoàn trả theo yêu cầu theo hợp đồng vay được ký lại.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả	Trục in	Công cụ và	Tổng
	trước	Trục in	dụng cụ	Tổng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	5.707	2.695	8.745	17.147
Tăng trong năm	-	2.139	10.271	12.410
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	259	259
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.200)	-	(518)	(3.718)
Thanh lý	-	(668)	-	(668)
Phân bổ trong năm	(61)	(3.825)	(9.659)	(13.545)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.446	341	9.098	11.885

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	55	410
Dự phòng phải thu khó đòi	-	21
Chiết khấu hàng bán trích trước	7.858	4.755
Chi phí vận chuyển trích trước	4.229	402
Chi phí quảng cáo và khuyến mại trích trước	8.651	-
Chi phí trích trước khác	710	110
Lỗi tính thuế mang sang	3.917	-
	<hr/>	<hr/>
	25.420	5.698
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

15. Lợi thế thương mại

	Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	5.954
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.191
Khấu hao trong năm	595
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.786
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.763
Số dư cuối năm	4.168
	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Vay ngắn hạn			
Vay từ ngân hàng Vietcombank			
Khoản vay 1	(a)	69.050	84.754
Khoản vay 2	(b)	19.599	19.784
Khoản vay 3	(c)	269.806	91.937
Khoản vay 4	(d)	33.086	-
Khoản vay 5	(e)	68.749	-
Vay từ ngân hàng BIDV	(f)	-	58.000
Vay từ ngân hàng HSBC	(g)	12.468	14.104
Vay từ ngân hàng Vietinbank			
Khoản vay 1	(h)	24.507	17.874
Khoản vay 2	(i)	166.450	-
Vay từ cá nhân	(j)	466	410
		664.181	286.863
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)		23.079	10.470
		687.260	297.333

- (a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San, một công ty con, và được đảm bảo bằng các khoản đầu tư vào các công ty con là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến.

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 6,44% đến 8,81% (2008: 7,00% đến 9,81%).

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 6,00% đến 11,28% (2008: 11,28% đến 21,00%).

- (b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và không được đảm bảo.

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 4,73% đến 7,00% (2008: 7,00%).

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 7,62% đến 12,56% (2008: 10,20% đến 21,00%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

16. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

- (c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 300 tỷ VNĐ và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 33.591 triệu VNĐ (31/12/2008: 34.439 triệu VNĐ) và tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 14.725 triệu VNĐ (31/12/2008: 17.423 triệu VNĐ).

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 3,30% đến 8,00% (2008: 6,30% đến 6,85%).

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 6,00% đến 12,00% (2008: 10,56% đến 21,00%).

- (d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 50 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 34.027 triệu VNĐ. Khoản vay được rút bằng Đô la Mỹ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 3,00% đến 7,00%.
- (e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD với hạn mức tối đa là 80 tỷ VNĐ. Khoản vay này được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 10,50% đến 12,00%.
- (f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San với hạn mức tối đa là 70 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất lần lượt do Ông Nguyễn Đăng Quang, chủ tịch và Bà Nguyễn Hoàng Yến, thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San sở hữu. Trong năm 2008, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 11,50% đến 20,50%. Khoản vay này được hoàn trả đủ trong năm.
- (g) Khoản vay bằng Đô la Mỹ được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 lần lượt là 31.049 triệu VNĐ và 1.102 triệu VNĐ (31/12/2008: lần lượt là 21.362 triệu VNĐ và 9.020 triệu VNĐ). Khoản vay này cũng được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 4,27% đến 8,24% (2008: 5,05% đến 8,24%).
- (h) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến với hạn mức tối đa là 98.000 triệu VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 15.346 triệu VNĐ (31/12/2008: 19.828 triệu VNĐ), quyền sử dụng đất với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 4.516 triệu VNĐ (31/12/2008: 4.635 triệu VNĐ) và các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 152.329 triệu VNĐ (31/12/2008: 12.482 triệu VNĐ). Khoản vay được rút bằng VNĐ và trong năm chịu lãi suất dao động từ 6,15% đến 12,92% (2008: 11,76% đến 20,20%).
- (i) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 180 tỷ VNĐ và được đảm bảo bằng các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 441.927 triệu VNĐ. Khoản vay được rút bằng VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 6,00% đến 6,05%.
- (j) Khoản vay từ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	19.834	12.210
Thuế xuất nhập khẩu	739	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.359	53.487
Các loại thuế khác	485	1.074
	<hr/>	<hr/>
	77.417	66.771
	<hr/>	<hr/>

18. Chi phí trích trước

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí vận chuyển	16.914	1.766
Thưởng và lương tháng 13	4.196	2.640
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	78.463	-
Chiết khấu hàng bán	31.432	19.021
Lãi vay phải trả trích trước	13.650	-
Thuế nhà thầu trích trước	1.437	-
Chi phí khác	17.498	3.728
	<hr/>	<hr/>
	163.590	27.155
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

19. Phải trả các công ty liên quan

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San – công ty mẹ		
Thương mại	-	20
Phi thương mại	102	100.000
Phải trả các công ty liên quan khác		
Thương mại	29	57
	<hr/>	<hr/>
	131	100.077
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các khoản nợ phi thương mại phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu (2008: chịu lãi suất năm là 12%).

Các khoản nợ thương mại phải trả các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

20. Phải trả khác

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	1.723	417
Cổ tức phải trả	840	840
Phải trả khác	1.393	977
	<hr/>	<hr/>
	3.956	2.234
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

21. Vay và nợ dài hạn

	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Vay dài hạn			
Vay từ Ngân hàng Vietcombank			
Khoản vay 1	(a)	19.600	25.205
Khoản vay 2	(b)	1.381	1.608
Khoản vay 3	(c)	12.009	-
Khoản vay 4	(d)	7.733	-
Khoản vay 5	(e)	15.033	-
Khoản vay 6	(f)	5.815	-
Vay từ Ngân hàng BIDV	(g)	-	470
Vay từ Ngân hàng ACB			
Khoản vay 1	(h)	7.751	9.779
Khoản vay 2	(h)	8.638	-
Vay từ Ngân hàng Đại Dương	(i)	43.398	-
Trái phiếu dài hạn đã phát hành	(j)	630.000	-
		<hr/>	<hr/>
		751.358	37.062
Nợ thuê tài chính	(k)	6.444	7.721
		<hr/>	<hr/>
		757.802	44.783
Hoàn trả trong vòng 12 tháng			
Vay từ Ngân hàng Vietcombank			
Khoản vay 1	(a)	(5.600)	(5.605)
Khoản vay 2	(b)	(395)	(368)
Khoản vay 5	(e)	(2.640)	-
Vay từ Ngân hàng BIDV	(g)	-	(470)
Vay từ Ngân hàng ACB	(h)	(4.504)	(2.445)
Vay từ Ngân hàng Đại Dương	(i)	(8.137)	-
Nợ thuê tài chính	(k)	(1.803)	(1.582)
		<hr/>	<hr/>
		(23.079)	(10.470)
		<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng		734.723	34.313
		<hr/>	<hr/>

- (a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San, một công ty con và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 23.067 triệu VNĐ (31/12/2008: 25.772 triệu VNĐ). Khoản vay này có hạn mức tối đa là 35 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm là 10,85% (2008: 11,64% đến 21%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 7 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 2.800 triệu VNĐ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

21. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

- (b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 77.000 Đô la Mỹ (31/12/2008: 98.690 Đô la Mỹ). Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.594 triệu VNĐ (31/12/2008: 1.691 triệu VNĐ) và chịu lãi suất bằng với lãi suất Libor 6 tháng cộng 2,50% (2009: 4,00% đến 5,70% và 2008: 7,00% đến 7,70% một năm). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 7 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 11.000 Đô la Mỹ.
- (c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng nhà cửa, máy móc và thiết bị. Khoản vay có hạn mức tối đa là 190 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm là 6,50% (2008: không). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản vay chưa được giải ngân hết và không có lịch trả nợ.
- (d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 45.350 triệu VNĐ. Trong năm, khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc đầu tư bằng khoản vay và chịu lãi suất năm là 6,50%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản vay này chưa được giải ngân hết và không có lịch trả nợ.
- (e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng máy móc đầu tư được tài trợ bằng khoản vay. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 17,6 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm là 6,70%. Khoản vay này được hoàn trả trong 16 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 880 triệu VNĐ bắt đầu từ ngày 13 tháng 4 năm 2010 và kỳ cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào ngày 14 tháng 4 năm 2014.
- (f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Trong năm, khoản vay này có hạn mức tối đa là 163 tỷ VNĐ và chịu lãi suất năm là 10,50%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản vay này chưa được giải ngân hết và không có lịch trả nợ.
- (g) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 2.492 triệu VNĐ. Trong năm 2008, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 21,00%. Khoản vay này được trả hết vào ngày 25 tháng 6 năm 2009.
- (h) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và được bảo đảm bằng nhà cửa, máy móc và thiết bị với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 5.084 triệu VNĐ (31/12/2008: 18.102 triệu VNĐ) và quyền sử dụng đất với giá trị là 2.795 triệu VNĐ (31/12/2008: 2.872 triệu VNĐ). Khoản vay bao gồm:

Khoản vay 1 được cấp với hạn mức tối đa là 720.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm bằng với lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 1,9% (2009: 6%; 2008: 10,1%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 432.000 Đô la Mỹ được hoàn trả trong 6 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 72.000 Đô la Mỹ.

Khoản vay 2 được cấp với hạn mức tối đa là 600.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm là 7,6%. Nợ gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 481.460 Đô la Mỹ và được hoàn trả trong 8 kỳ bán niên, mỗi kỳ 53.520 Đô la Mỹ bắt đầu từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 và kỳ cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào ngày 16 tháng 9 năm 2013.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

21. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

- (i) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 84 tỷ VNĐ và chưa được giải ngân hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm là 10,50%. Khoản vay này được hoàn trả trong 16 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 2.712 triệu VNĐ bắt đầu từ ngày 22 tháng 5 năm 2010.
- (j) Trái phiếu phải trả bao gồm ba trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 180 tỷ VNĐ trên mỗi trái phiếu, được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan, Công ty TNHH TPG Star Masan II, và Công ty TNHH TPG Star Masan III (gọi chung là “TPG”); và một trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 90 tỷ VNĐ được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan.

Lãi suất năm là 15%, cộng dồn hàng năm và phải trả khi trái phiếu đáo hạn. Lãi suất thực là 17,3625%/năm. Lãi vay không được hoàn trả nếu quyền chuyển đổi được thực hiện. Các trái phiếu này đáo hạn vào ngày 10 tháng 11 năm 2012.

Giá chuyển đổi được xác định sơ bộ là 20.374 VNĐ/ cổ phiếu và giá trị sẽ được điều chỉnh dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của Tập đoàn.

Trái phiếu được đảm bảo bằng 8.820.000 cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Nếu giá giao dịch trung bình của các cổ phiếu được niêm yết của Công ty giảm dưới 50% so với giá chuyển đổi hiện hành trong thời hạn 20 ngày giao dịch, số lượng cổ phiếu thế chấp sẽ tăng thêm 100%, hoặc thế chấp bằng tài sản khác theo thỏa thuận giữa Công ty và TPG Star Masan. Nếu giá giao dịch trung bình của các cổ phiếu được niêm yết của Công ty tăng trên 100% so với giá chuyển đổi hiện hành trong thời hạn 10 ngày giao dịch, số lượng cổ phiếu được thế chấp sẽ giảm 50%.

Trái phiếu này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu tại Công ty từ ngày 1 tháng 4 năm 2011 đến ngày đáo hạn trái phiếu theo quyền lựa chọn của trái chủ. Tuy nhiên, tại bất kỳ thời điểm nào sau khi các báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được cung cấp cho trái chủ, và giá giao dịch của các cổ phiếu được niêm yết của Công ty cao hơn 200% so với giá chuyển đổi có thể áp dụng trong thời hạn 90 ngày giao dịch, Công ty có quyền yêu cầu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo giá chuyển đổi đó.

Khi công ty phát hành thêm quyền mua cổ phiếu, trái chủ được đảm bảo được hưởng các quyền lợi và điều kiện như những người được nhận các quyền này. Nếu điều này không thực hiện được, trái chủ sẽ được trả một khoản tiền tương đương với giá trị hợp lý của những quyền đó.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

21. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

(k) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2009 Triệu VNĐ			31/12/2008 Triệu VNĐ		
	Tổng khoản thanh toán	Tiền lãi thuê	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	2.120	317	1.803	2.174	592	1.582
Từ hai đến năm năm	5.042	401	4.641	7.101	962	6.139
	7.162	718	6.444	9.275	1.554	7.721

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ là 299.444 Đô la Mỹ, tương đương 5.372 triệu VNĐ (31/12/2008: 385.000 Đô la Mỹ, tương đương 6.516 triệu VNĐ).

Nợ thuê tài chính được bảo đảm bằng tài sản cố định thuê tài chính trình bày trong Thuyết minh 9.

22. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	1.433	1.100
Trích lập dự phòng trong năm	1.157	668
Sử dụng dự phòng trong năm	(695)	(335)
Số dư cuối năm	1.895	1.433

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn đã đóng 1.472 triệu VNĐ (2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất.

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	485.399.820	4.853.998	320.000	32.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	485.399.820	4.853.998	320.000	32.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.421.817	-	-

Cổ phiếu phổ thông trước nay có mệnh giá là 100.000 VNĐ. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2009, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt chia cổ phiếu theo tỷ lệ 1:10. Số cổ phiếu phổ thông sau khi được chia là 3.200.000 cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2009		2008	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	320.000	32.000	320.000	32.000
Ảnh hưởng của việc chia cổ phiếu	2.880.000	-	-	-
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”)	249.979.671	2.499.797	-	-
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	181.880.248	1.818.802	-	-
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	50.339.901	503.399	-	-
Số dư cuối năm	485.399.820	4.853.998	320.000	32.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	4.070.481	2.003.550
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	7.666	-
Các khoản giảm trừ		
▪ Chiết khấu hàng bán	(119.391)	(69.102)
▪ Hàng bán bị trả lại	(929)	(12.360)
▪ Giảm giá hàng bán	(13)	-
Doanh thu thuần	<u>3.957.814</u>	<u>1.922.088</u>

25. Giá vốn hàng bán

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	2.545.057	1.319.014
▪ Thanh lý trực in	668	1.169
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	38.151	3.984
	<u>2.583.876</u>	<u>1.324.167</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lãi từ tiền gửi Ngân hàng	29.628	651
Lãi từ việc cho các cá nhân vay	8.063	3.911
Lãi từ việc cho công ty mẹ vay	19.656	58.183
Lãi từ việc cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt vay, là nhà đầu tư của công ty con và của Công ty	34.750	49.434
Thu nhập lãi vay từ khoản đầu tư vào trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành	1.474	-
Thu nhập cổ tức từ đầu tư dài hạn khác	-	7.580
Cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ các đơn vị nhận đầu tư	-	2.184
Lãi do chênh lệch tỷ giá	2.846	10.246
Thu từ bán cổ phiếu	53.454	-
Lãi từ các khoản nợ quá hạn	-	2.303
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.421	33
	<hr/>	<hr/>
	160.292	134.525
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

27. Chi phí hoạt động tài chính

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả cho các ngân hàng	56.930	50.968
Chi phí lãi vay phải trả cho công ty mẹ	1.957	-
Chi phí lãi vay phải trả cho các cá nhân	30.089	-
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	14.154	7.329
	<hr/>	<hr/>
	103.130	58.297
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

28. Thu nhập khác

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	229	4.124
Thu từ thanh lý trực in	-	333
Thu từ bán phế liệu	11.838	2.984
Phí tư vấn được giảm	4.447	202
Thu khác	2.118	1.800
	<hr/>	<hr/>
	18.632	9.443
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí khác

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	84	5.371
Giá vốn của phế liệu đã thanh lý	9.876	-
Phạt thuế	7.068	-
Thuế nhập khẩu không được hoàn lại	5.194	-
Chi phí khác	556	314
	<hr/>	<hr/>
	22.778	5.685
	<hr/>	<hr/>

30. Lợi nhuận từ công ty liên kết

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận từ công ty liên kết	132.661	-
Khấu hao lợi thế thương mại	(84.651)	-
	<hr/>	<hr/>
	48,010	-
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	73.130	58.523
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	462
	<hr/> 73.130	<hr/> 58.985
Thu nhập thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(15.085)	(4.275)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước đây	-	(520)
Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	(3.917)	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	618
	<hr/> (19.722)	<hr/> (4.177)
 Chi phí thuế thu nhập	 <hr/> 53.408	 <hr/> 54.808

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

31. Thuế thu nhập (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2009		2008	
	%	Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế		732.926		454.913
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25,00%	183.232	28,00%	127.376
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất Ưu đãi thuế	-	-	0,14%	618
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(0,04%)	(279)	(0,02%)	(104)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(17,56%)	(128.724)	(15,58%)	(70.892)
Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn trong thu nhập và chi phí khác	(0,08%)	(608)	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,54%	3.956	0,13%	602
Thu nhập không bị tính thuế	(1,64%)	(12.003)	(0,60%)	(2.734)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trước đây	1,07%	7.834	(0,12%)	(520)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	-	0,10%	462
	7,29%	53.408	12,05%	54.808

Căn cứ theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, các hoạt động của các công ty con, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt (“Minh Việt”) thỏa mãn định nghĩa Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa và do đó Minh Việt được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho Quý 4 năm 2008. Khoản thuế được giảm cho Quý 4 năm 2008 được tính dựa trên một phần tư lợi nhuận chịu thuế của năm theo hướng dẫn trong Thông tư số 03.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% trên lợi nhuận chịu thuế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)	Mua sở hữu tại các công ty con	-	100.000
	Cho Công ty Cổ phần Ma San vay	58.543	323.169
	Thanh toán tiền vay và lãi vay bởi Công ty Cổ phần Ma San	76.370	360.626
	Mua trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cản trừ khoản vay phải thu từ công ty mẹ	400.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị			
Thành viên Hội đồng Quản trị	Khoản vay phải thu và chi phí lãi vay	930.089	-
	Vốn góp	1.030.134	-
	Thù lao trả cho một thành viên trong Hội đồng Quản trị	161	133
Bên liên quan khác			
Nguyễn Quỳnh Lâm – một cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San	Tiền thu hồi khoản cho Nguyễn Quỳnh Lâm vay	-	1.000
	Góp vốn	18.305	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

33. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	206.904	-
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	428.947	15.395
	<hr/>	<hr/>
	635.851	15.395
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Trong vòng một năm	32.513	12.692
Từ hai đến năm năm	71.838	9.488
Trên năm năm	26.584	26.934
	<hr/>	<hr/>
	130.935	49.114
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 416.574 triệu VNĐ (31/12/2008: 210.335 triệu VNĐ), và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 155.608.815 (2008: 3.200.000), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	416.574	210.335

(i) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2009	2008
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	3.200.000	3.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông được phát hành trong năm	152.408.815	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông vào cuối năm	155.608.815	3.200.000

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm 2008 đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc chia cổ phiếu theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 11 tháng 7 năm 2009. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc chia cổ phiếu này.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh những ảnh hưởng của tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm tàng phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi (xem Thuyết minh số 21(j)). Giá chuyển đổi được dựa trên lợi nhuận của Tập đoàn trong năm 2010 nhưng với mục đích của việc tính toán này, giá xác định sơ bộ là 20.374 VNĐ/cổ phiếu đã được sử dụng.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2009	2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (cơ bản)	416.574	210.335
Chi phí lãi của trái phiếu chuyển đổi, sau thuế	11.316	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)	427.890	210.335

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2009	2008
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	155.608.815	3.200.000
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi trái phiếu có thể chuyển đổi	4.320.648	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	159.929.463	3.200.000

35. Thù lao chi trả bằng cổ phiếu

Số cổ phiếu của một công ty con được phát hành cho nhân viên của công ty đó đối với công sức đã đóng góp như sau:

	2009	2008
Nhân viên	1.067.998	266.209
Thành viên Ban Giám đốc (không bao gồm trong số nhân viên)	60.625	39.843

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
 Chủ tịch

31 MAR 2010